

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *126* /2020/TT-BQP

Hà Nội, ngày *19* tháng *12* năm 2020

THÔNG TƯ

**Quy định loại khỏi biên chế và xử lý tài sản nhà nước
trong Bộ Quốc phòng**

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 79/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thực hiện Luật Quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh; được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch và Đầu tư;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định loại khỏi biên chế và xử lý tài sản nhà nước trong Bộ Quốc phòng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định loại khỏi biên chế và xử lý tài sản nhà nước trong Bộ Quốc phòng (sau đây viết gọn là loại khỏi biên chế và xử lý tài sản); quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản; kiểm tra, báo cáo và trách

nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong công tác loại khỏi biên chế và xử lý tài sản.

2. Việc xử lý các sản phẩm mật mã thực hiện theo quy định của pháp luật về cơ yếu.

3. Việc xử lý tài sản do doanh nghiệp tự mua sắm, hoặc được cấp có thẩm quyền giao vốn cho doanh nghiệp, hoặc mua sắm từ nguồn vốn của doanh nghiệp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

4. Việc xử lý, tiêu huỷ bom, mìn, lựu đạn, quả nỏ, ngư lôi, vật liệu nổ, đầu đạn tên lửa, đạn pháo và đầu đạn các loại đã tiếp nhận, thu gom ngoài trang bị của Quân đội, hoặc do cơ quan, đơn vị ngoài Quân đội chuyển giao thực hiện theo quy định tại Thông tư số 86/2018/TT-BQP ngày 23 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

5. Tiền thu được từ xử lý tài sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc loại khỏi biên chế và xử lý tài sản.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tài sản nhà nước trong Bộ Quốc phòng* là tài sản nhà nước giao cho Bộ Quốc phòng quản lý, sử dụng bao gồm: Tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý theo quy định tại Điều 64 Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Quyết định số 01/2018/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục tài sản đặc biệt; tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản đặc biệt tại các đơn vị trong Quân đội nhân dân Việt Nam; Thông tư số 318/2017/TT-BQP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Bộ Quốc phòng quy định danh mục tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý và hệ thống sổ, mẫu biểu theo dõi tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý trong Bộ Quốc phòng được quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều này.

2. *Trang bị kỹ thuật* là các loại vũ khí, tổ hợp vũ khí, đạn dược, phương tiện, khí tài dùng để chiến đấu, bảo đảm chiến đấu, huấn luyện và phục vụ các hoạt động thường xuyên, gồm: Trang bị chính và trang bị bổ trợ đồng bộ cho trang bị chính được phân loại thành tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng và tài sản phục vụ công tác quản lý.

3. *Đạn dược* là các loại bom, mìn, đạn, lựu đạn, thủy lôi, ngư lôi, tên lửa, rốc két, lượng nổ, thuốc phóng, vật liệu nổ, chất cháy.

4. *Thiết bị, vật tư hàng hóa* là nguyên liệu, nhiên liệu, chi tiết, cụm chi tiết, phụ tùng; thiết bị, vật tư, phương tiện, bảo đảm phục vụ cho công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật trong Quân đội.

5. *Tài sản xử lý* là vật phẩm, nguyên liệu, phế liệu thu hồi sau xử lý đạn dược; trang bị kỹ thuật, thiết bị, vật tư hàng hoá và tài sản nhà nước khác không còn tận dụng được cho sửa chữa, sản xuất, bảo đảm kỹ thuật và các nhiệm vụ khác của cơ quan, đơn vị.

6. *Công trình chiến đấu* là công trình quốc phòng trực tiếp phục vụ nhiệm vụ chiến đấu, nhiệm vụ phòng thủ biên giới, đất liền, vùng trời, hải đảo để bảo vệ Tổ quốc được xây dựng riêng biệt hoặc cấu trúc thành các trận địa, các chốt, các điểm tựa, cụm điểm tựa, các căn cứ, khu vực phòng ngự, sở chỉ huy các cấp, căn cứ chiến lược.

7. *Công trình quốc phòng* là công trình được xây dựng mới hoặc lợi dụng, cải tạo những kiến trúc, vật thể có sẵn do cấp có thẩm quyền của nhà nước xác định nhằm phục vụ cho mục đích phòng thủ, bảo vệ Tổ quốc.

8. *Công cụ hỗ trợ* là phương tiện, động vật nghiệp vụ theo quy định tại khoản 11 Điều 3 Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

9. *Nhà và các tài sản khác gắn liền với đất* thuộc doanh trại, trụ sở đóng quân, kho tàng, trường đào tạo nghiệp vụ quốc phòng, trường bắn, bãi tập, cơ sở giam giữ của đơn vị, cụ thể:

a) *Nhà* gồm: nhà làm việc; nhà ở, nhà công vụ; nhà ăn, nhà bếp; nhà kho, nhà xưởng; nhà hội trường; nhà câu lạc bộ, văn hoá, nhà bảo tàng, nhà truyền thống, thư viện; nhà tập và thi đấu thể thao; trường học, giảng đường; nhà trẻ và nhà mẫu giáo; bệnh viện, trạm xá, nhà an dưỡng, nhà điều dưỡng; nhà khách và nhà khác;

b) *Tài sản gắn liền với đất* gồm: giếng khoan, giếng đào, bể chứa; sân vận động, sân chơi, sân phơi, bể bơi; cầu cống, bến cảng, ụ tàu, hệ thống cấp thoát nước; đê, đập, đường, tường rào bao quanh; tượng đài; trường bắn, thao trường bãi tập và tài sản gắn liền với đất khác.

10. *Biên chế tài sản* là số lượng, cơ cấu bố trí trang bị kỹ thuật, thiết bị, vật tư hàng hoá hợp lý trong một đơn vị nhằm bảo đảm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

11. *Loại khỏi biên chế* là việc đưa tài sản nhà nước trong Bộ Quốc phòng ra khỏi biên chế tài sản.

12. *Xử lý tài sản* là việc cấp có thẩm quyền quyết định điều chuyển ra ngoài quân đội, tiếp tục khai thác, tiêu hủy, bán đấu giá tài sản nhà nước sau khi đã loại khỏi biên chế.

13. *Phục tra đề xuất loại khỏi biên chế và xử lý tài sản* là hoạt động đánh giá, kiểm tra thực tế của cơ quan quản lý các cấp đối với danh mục trang bị kỹ thuật, thiết bị, vật tư hàng hoá đơn vị đề xuất loại khỏi biên chế và xử lý.

14. *Bán đấu giá* là hình thức bán tài sản xử lý công khai theo phương thức trả giá lên, có từ hai pháp nhân trở lên tham gia đấu giá theo nguyên tắc, trình tự, thủ tục nhất định do Hội đồng đấu giá tài sản thực hiện.

15. *Trả giá lên* là phương thức trả giá từ thấp lên cao cho đến khi có người trả giá cao nhất.

16. *Người có tài sản đấu giá* là cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý tài sản nhà nước loại khỏi biên chế.

17. *Người tham gia đấu giá* là các đơn vị, tổ chức có đủ tư cách pháp nhân trong và ngoài Quân đội có ngành nghề kinh doanh phù hợp.

18. *Người điều hành đấu giá* là Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc người được Chủ tịch Hội đồng đấu giá phân công.

Điều 4. Mục đích, yêu cầu loại khỏi biên chế và xử lý tài sản

1. Mục đích:

- a) Quản lý chặt chẽ trang bị kỹ thuật, thiết bị, vật tư hàng hoá;
- b) Loại khỏi biên chế tài sản không nằm trong quy hoạch, kế hoạch;
- c) Kịp thời loại bỏ nguy cơ cháy nổ, mất an toàn;
- d) Khắc phục tình trạng hư hỏng, xuống cấp và bảo quản giữ gìn, duy trì chất lượng số tài sản còn sử dụng;
- đ) Tận dụng khai thác có hiệu quả đối với tài sản đã được loại khỏi biên chế để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của đơn vị;
- e) Giải phóng kho tàng, giảm chi phí quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, cất giữ và tận thu cho ngân sách quốc phòng.

2. Yêu cầu:

- a) Bảo đảm an toàn tuyệt đối về mọi mặt;
- b) Thực hiện đúng quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, nguyên tắc và thẩm quyền loại khỏi biên chế và xử lý tài sản;
- c) Quản lý chặt chẽ, phòng ngừa tiêu cực, thất thoát và lãng phí.

Điều 5. Nguyên tắc loại khỏi biên chế và xử lý tài sản

1. Chỉ tiến hành loại khỏi biên chế và xử lý tài sản khi có quyết định của cấp có thẩm quyền.
2. Khai thác tận dụng những tài sản là trang bị kỹ thuật, thiết bị vật tư hàng hoá còn khả năng sử dụng phục vụ cho các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng.
3. Đối với vật phẩm, nguyên liệu, phế liệu thu hồi sau xử lý đạn dược; tài sản là trang bị kỹ thuật, thiết bị, vật tư hàng hoá không còn tận dụng được cho các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng phải được vô hiệu hoá tính năng tác dụng quân sự và khả năng phục hồi lại (đối với những trang bị có lưu giữ thông tin) trước khi xử lý.

Chương II LOẠI KHỎI BIÊN CHẾ TÀI SẢN

Điều 6. Tài sản được loại khỏi biên chế

Loại khỏi biên chế các tài sản bảo đảm các điều kiện sau:

1. Tài sản đã sử dụng vượt quá thời gian theo chế độ quy định mà không thể tiếp tục sử dụng được.
2. Tài sản hư hỏng nặng không thể sửa chữa, phục hồi và tăng hạn tiếp tục sử dụng, hoặc sửa chữa không hiệu quả.
3. Tài sản bị mất, hủy hoại; tài sản không nằm trong quy hoạch trang bị hoặc mất tính đồng bộ, số lượng còn ít và tồn đọng lâu năm, lạc hậu không còn nhu cầu sử dụng cho nhiệm vụ quân sự, quốc phòng.
4. Tài sản không còn nhu cầu sử dụng hoặc giảm nhu cầu sử dụng do thay đổi chức năng, nhiệm vụ, tổ chức biên chế.
5. Tài sản được điều chuyển ra các cơ quan, đơn vị ngoài quân đội theo quyết định của cấp có thẩm quyền.
6. Tài sản là công trình chiến đấu, công trình quốc phòng, nhà và tài sản gắn liền với đất phải tháo dỡ theo quyết định của cấp có thẩm quyền để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư, hoặc theo quy hoạch và các trường hợp khác theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

Điều 7. Đề xuất loại khỏi biên chế tài sản

1. Căn cứ đề xuất loại khỏi biên chế tài sản:
 - a) Chủ trương, chỉ đạo của Bộ Quốc phòng, hướng dẫn của các ngành, chuyên ngành;
 - b) Kết quả kiểm kê 0h00 ngày 01 tháng 01 hằng năm;
 - c) Kết quả kiểm tra đánh giá phân cấp chất lượng, đồng bộ của tài sản.

2. Nội dung đề xuất loại khỏi biên chế tài sản:

- a) Danh mục, chủng loại, số lượng, tình trạng kỹ thuật, cấp chất lượng, tính đồng bộ, giá trị, địa điểm cất giữ;
- b) Phương thức xử lý;
- c) Đơn vị tổ chức thực hiện;
- d) Tiến độ, thời gian thực hiện;
- đ) Dự kiến kết quả thu được.

3. Yêu cầu lập báo cáo đề xuất loại biên chế:

- a) Đối với tài sản là đạn dược và hoá chất độc hại: Phải lập báo cáo đề xuất loại khỏi biên chế tài sản đồng thời với lập kế hoạch tổ chức thực hiện xử lý.
- b) Đối với các tài sản khác không quy định tại điểm a khoản này: Phải lập báo cáo đề xuất loại khỏi biên chế tài sản chung đối với các ngành trong cơ quan, đơn vị được giao quản lý.

Điều 8. Tổng hợp đề xuất loại khỏi biên chế tài sản

1. Trước ngày 15 tháng 10 hằng năm, các đơn vị báo cáo đề xuất loại khỏi biên chế và xử lý tài sản theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này báo cáo về Bộ Quốc phòng (qua Cục Kế hoạch và Đầu tư, Cục Tài chính), đồng thời gửi các nội dung liên quan đến các cơ quan, đơn vị chuyên ngành:

- a) Tài sản là trang bị kỹ thuật; đạn dược và hoá chất độc hại: gửi về Bộ Tổng Tham mưu (qua Cục Quân lực), Tổng cục Kỹ thuật và cơ quan, đơn vị chuyên ngành có liên quan;
- b) Tài sản là thiết bị kỹ thuật, vật tư hàng hoá bảo đảm công tác kỹ thuật: gửi về Tổng cục Kỹ thuật và cơ quan, đơn vị chuyên ngành có liên quan;
- c) Tài sản là thiết bị, vật tư hàng hoá bảo đảm Công tác Đảng, Công tác Chính trị: gửi về Tổng cục Chính trị;
- d) Tài sản là thiết bị, vật tư hàng hoá bảo đảm công tác hậu cần: gửi về Tổng cục Hậu cần;
- đ) Tài sản là thiết bị, vật tư hàng hoá bảo đảm công nghiệp quốc phòng: gửi về Tổng cục Công nghiệp quốc phòng.

2. Trước ngày 15 tháng 11 hằng năm, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật, Tổng cục Công nghiệp quốc phòng và các chuyên ngành tổng hợp, đề xuất loại khỏi biên chế và xử lý tài sản của các đơn vị báo cáo về Bộ Quốc phòng (qua Cục Kế hoạch và Đầu tư, Cục Tài chính).

3. Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, Cục Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan tổng hợp, đề xuất và xây dựng kế hoạch loại biên chế tài sản báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt.

Điều 9. Phúc tra đề xuất loại khỏi biên chế tài sản

1. Tổ chức phúc tra:

a) Căn cứ kế hoạch loại khỏi biên chế tài sản được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt, đơn vị lập kế hoạch và thành lập Đoàn phúc tra theo quý.

Trước 10 ngày, tính đến ngày tổ chức phúc tra, đơn vị chủ trì phúc tra gửi Kế hoạch phúc tra, nội dung phúc tra và các tài liệu liên quan (nếu có) về các cơ quan chức năng quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này;

b) Các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này rà soát, đối chiếu với hồ sơ quản lý, hướng dẫn, điều lệ ngành cử cán bộ tham gia Đoàn phúc tra;

Trường hợp các cơ quan, đơn vị không cử cán bộ tham gia Đoàn phúc tra thì phải có hướng dẫn, chỉ đạo phương pháp phúc tra theo chức năng, nhiệm vụ được Bộ Quốc phòng giao;

c) Phúc tra đề xuất loại khỏi biên chế tài sản phải lập biên bản; nội dung Biên bản phải làm rõ các đề nghị, kiến nghị của đơn vị về số lượng, chủng loại, phương thức, kế hoạch xử lý, điều kiện bảo đảm, thời gian xử lý, vật phẩm có thể thu hồi sử dụng lại và phế liệu đề nghị bán sau xử lý;

d) Căn cứ quy định, hướng dẫn nghiệp vụ, điều lệ ngành của cơ quan quản lý cấp trên, Chỉ huy cơ quan, đơn vị trực Bộ Quốc phòng chỉ đạo Hội đồng xử lý tài sản và các cơ quan, đơn vị được giao cất giữ, quản lý, sử dụng tài sản phúc tra phân loại, đánh giá cấp chất lượng của tài sản, đề xuất loại khỏi biên chế, lập biên bản theo đúng quy định;

đ) Trường hợp tài sản đề xuất loại khỏi biên chế và xử lý có số lượng ít, phân tán tại nhiều nơi thì thành phần, phương thức phúc tra do Chỉ huy cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng quyết định và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

2. Nhiệm vụ của Đoàn phúc tra:

a) Nắm chắc nội dung kế hoạch loại khỏi biên chế của đơn vị, đánh giá tính xác thực trong kế hoạch loại khỏi biên chế của đơn vị, bảo đảm cho cấp có thẩm quyền quyết định loại khỏi biên chế chính xác, đúng chủ trương, quy định của pháp luật có liên quan;

b) Quá trình phúc tra, Đoàn phúc tra phải rà soát thực tế tại đơn vị, nhận xét sự chính xác, phù hợp giữa thực tế phúc tra với đề xuất của đơn vị. Thành viên là đại diện các cơ quan, đơn vị chuyên ngành chịu trách nhiệm làm rõ các nội dung

thuộc lĩnh vực được giao theo dõi, quản lý và đề xuất với cơ quan có thẩm quyền về loại khỏi biên chế;

c) Tham mưu, đề xuất với cấp có thẩm quyền quyết định phương thức xử lý tài sản bảo đảm tính chính xác, đúng quy định của pháp luật hiện hành;

d) Hướng dẫn đơn vị triển khai thực hiện công tác loại khỏi biên chế và xử lý tài sản, đề xuất biện pháp khắc phục những hạn chế, yếu kém trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước được giao;

đ) Tổng hợp kết quả phúc tra, lập biên bản phúc tra, nội dung gồm: Kết quả phúc tra theo đề nghị của đơn vị, kiến nghị của các thành viên trong Đoàn phúc tra về loại khỏi biên chế tài sản, đề xuất phương thức xử lý tài sản báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định loại khỏi biên chế và quyết định xử lý tài sản;

e) Đối với đạn dược và hoá chất độc hại, ngoài các nội dung phúc tra quy định tại điểm đ khoản này, Đoàn phúc tra Bộ Quốc phòng do Tổng cục Kỹ thuật chủ trì phối hợp với Cục Tài chính, Cục Kế hoạch và Đầu tư, Cục Quân lực, Cục Tác chiến thẩm định kế hoạch xử lý của đơn vị, lập biên bản và đề xuất Tổng Tham mưu trưởng quyết định loại khỏi biên chế, xử lý và phê duyệt kế hoạch xử lý.

3. Chậm nhất sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phúc tra, cơ quan, đơn vị chủ trì phúc tra gửi biên bản phúc tra về các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

Điều 10. Thẩm định đề xuất loại khỏi biên chế tài sản

1. Cơ quan chủ trì thẩm định, cơ quan phối hợp thẩm định báo cáo cấp có thẩm quyền ra quyết định loại khỏi biên chế tài sản:

a) Quyết định loại khỏi biên chế tài sản thuộc thẩm quyền Bộ trưởng Bộ Quốc phòng khoản 1 Điều 11 Thông tư này:

Đối với tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Thông tư này: Cơ quan chủ trì thẩm định là Cục Kế hoạch và Đầu tư; cơ quan phối hợp thẩm định là Tổng cục Kỹ thuật, Cục Tài chính, Cục Quân lực và chuyên ngành có liên quan;

Đối với tài sản quy định tại điểm b và c khoản 1 Điều 11 Thông tư này: Cơ quan chủ trì thẩm định là Cục Kế hoạch và Đầu tư; cơ quan phối hợp thẩm định là Tổng cục Hậu cần và chuyên ngành có liên quan;

b) Quyết định loại khỏi biên chế tài sản thuộc thẩm quyền Tổng Tham mưu trưởng khoản 2 Điều 11 Thông tư này:

Đối với tài sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 Thông tư này: Cơ quan chủ trì thẩm định là Cục Quân lực; cơ quan phối hợp thẩm định là Tổng cục Kỹ thuật, Cục Kế hoạch và Đầu tư, Cục Tài chính và chuyên ngành có liên quan.

Đối với tài sản quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Thông tư này: Cơ quan chủ trì thẩm định là Cục Quân lực (đối với loại biên chế và xử lý), Cục Tác chiến (đối với kế hoạch thực hiện xử lý); cơ quan phối hợp thẩm định là Tổng cục Kỹ thuật, Cục Kế hoạch và Đầu tư, Cục Tài chính và chuyên ngành có liên quan.

Đối với tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 11 Thông tư này: Cơ quan chủ trì thẩm định là Cục Tác chiến; cơ quan phối hợp thẩm định là Tổng cục Hậu cần, Cục Tài chính, Cục Kế hoạch và Đầu tư và chuyên ngành có liên quan;

c) Quyết định loại khỏi biên chế tài sản thuộc thẩm quyền Chỉ huy cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư này: Chỉ huy cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng căn cứ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quyết định cơ quan chủ trì thẩm định; cơ quan phối hợp thẩm định.

Tổng cục Chính trị, Tổng cục Kỹ thuật, Tổng cục Hậu cần và các chuyên ngành có liên quan tham gia ý kiến bằng văn bản theo chức năng, nhiệm vụ được Bộ Quốc phòng giao.

2. Cơ quan, đơn vị báo cáo cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 11 Thông tư này quyết định loại khỏi biên chế tài sản, gồm:

a) Hồ sơ gửi thẩm định đối với tài sản là đạn dược và hoá chất độc hại:

Văn bản đề xuất loại khỏi biên chế và xử lý tài sản, trong đó bao gồm cả kế hoạch thực hiện xử lý theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 7 Thông tư này;

Biên bản phúc tra đề xuất loại biên chế và xử lý đạn dược, hoá chất độc hại của Đoàn phúc tra Bộ Quốc phòng;

Văn bản báo cáo kết quả xử lý kèm theo quyết định xử lý của Chỉ huy cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng và biên bản xử lý đạn dược cấp 5 nguy hiểm cần xử lý ngay theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Thông tư này;

Văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan phối hợp thẩm định về đề nghị loại biên chế và xử lý của đơn vị;

b) Hồ sơ gửi thẩm định đối với tài sản nằm trong danh mục vật tư tiêu hao, trang thiết bị tài sản có giá trị nguyên giá dưới 10 triệu đồng (không thuộc trang bị kỹ thuật) và có thời gian sử dụng dưới 01 năm thuộc thẩm quyền loại khỏi biên chế và xử lý của Chỉ huy cơ quan, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng:

Văn bản đề xuất loại khỏi biên chế tài sản của đơn vị được giao quản lý, cất giữ, sử dụng tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này;

Biên bản phúc tra đề xuất loại khỏi biên chế và xử lý tài sản do đơn vị chủ trì phúc tra lập.

c) Hồ sơ gửi thẩm định đối với tài sản còn lại:

Văn bản đề xuất loại khỏi biên chế tài sản của đơn vị được giao quản lý, cất giữ, sử dụng tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này;

Biên bản phúc tra đề xuất loại khỏi biên chế và xử lý tài sản do đơn vị chủ trì phúc tra lập;

Văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan phối hợp thẩm định về đề nghị loại biên chế và xử lý của đơn vị;

3. Thời gian thẩm định:

a) Trong thời hạn 15 ngày làm việc (03 ngày làm việc đối với tài sản là đạn dược và hoá chất độc hại) kể từ ngày nhận được biên bản phúc tra, các cơ quan phối hợp thẩm định gửi ý kiến thẩm định (kết quả phúc tra và đề xuất loại biên chế tài sản của đơn vị) bằng văn bản đến cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 11 Thông tư này quyết định loại khỏi biên chế.

b) Đối với đạn dược và hoá chất độc hại, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, cơ quan chủ trì thẩm định báo cáo trình Thủ trưởng Bộ Tổng tham mưu trưởng xem xét, quyết định loại khỏi biên chế, xử lý tài sản và phê duyệt kế hoạch thực hiện xử lý;

c) Đối với tài sản còn lại, trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại b và c khoản 1 Điều này, cơ quan chủ trì thẩm định báo cáo cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 11 Thông tư này xem xét, quyết định loại khỏi biên chế tài sản;

d) Trường hợp cấp có thẩm quyền ra quyết định loại khỏi biên chế tài sản, đồng thời xử lý tài sản, thì các nội dung liên quan đến công tác xử lý tài sản thực hiện theo quy định tại các Điều 12, 13, 14, 15 và 16 Thông tư này.

Điều 11. Thẩm quyền loại khỏi biên chế tài sản

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định loại khỏi biên chế tài sản:

a) Trang bị kỹ thuật, thiết bị, vật tư hàng hoá thuộc dự trữ tại ở các kho của Bộ Quốc phòng và kho ngành theo phân cấp quản lý;

b) Nhà cấp I, cấp II;

c) Bê thép có dung tích từ 50m³ trở lên.

2. Tổng Tham mưu trưởng quyết định loại khỏi biên chế tài sản:

a) Trang bị kỹ thuật nằm trong biên chế của các cơ quan, đơn vị;

b) Đạn dược và hoá chất độc hại;

c) Công trình chiến đấu, công trình quốc phòng.

3. Chỉ huy cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng quyết định loại khỏi biên chế các tài sản không thuộc khoản 1, khoản 2 Điều này được cấp có thẩm quyền giao quản lý.

Chương III XỬ LÝ TÀI SẢN

Điều 12. Tài sản được xử lý

1. Tài sản đã được cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 11 Thông tư này quyết định loại khỏi biên chế.

2. Đạn được cấp 5 nguy hiểm, nguy cơ gây mất an toàn, cần xử lý khẩn cấp nhưng chưa loại khỏi biên chế.

3. Tài sản khác do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định.

Điều 13. Phương thức xử lý tài sản

1. Súng, pháo: Tư lệnh các quân khu chỉ đạo các đơn vị thuộc quyền tổ chức thu hồi về kho, xưởng của quân khu; các cơ quan, đơn vị còn lại báo cáo Tổng Tham mưu trưởng ra quyết định thu hồi về kho Bộ Quốc phòng:

a) Tổ chức đồn lấp, sửa chữa phục hồi; tháo gỡ tận dụng vật tư phụ tùng, bộ phận chi tiết thay thế phục vụ cho sửa chữa;

b) Tận dụng làm mô hình học cụ; phục vụ huấn luyện, trưng bày bảo tàng và cho các nhiệm vụ quân sự quốc phòng;

c) Đối với súng bộ binh không còn nguyên dạng và các bộ phận rời không còn sử dụng được cho tháo gỡ, đồn lấp, sửa chữa phục hồi, đơn vị báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định loại khỏi biên chế và xử lý;

d) Các loại khác, đơn vị được giao cất giữ, quản lý chặt chẽ, đến khi có quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

2. Đạn được và hoá chất độc hại: Xử lý (huỷ, tháo gỡ) theo các phương pháp phù hợp với quy định của ngành và quy trình công nghệ xử lý được cấp có thẩm quyền ban hành, bảo đảm tuyệt đối an toàn.

3. Vật phẩm thu hồi sau xử lý đạn được:

a) Số vật phẩm còn tốt có khả năng sử dụng lại, thu hồi về cất giữ, bảo quản tập trung tại kho Bộ Quốc phòng, hoặc kho ngành sử dụng cho sửa chữa, sản xuất theo yêu cầu nhiệm vụ;

b) Vỏ đạn pháo, các vật liệu bằng đồng thu hồi sau xử lý đạn được bị hư hỏng, không còn khả năng sửa chữa, phục hồi chỉ được xử lý sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

c) Vật phẩm, nguyên liệu, phế liệu thu hồi sau xử lý không tận dụng được cho sửa chữa, sản xuất đạn dược, hoặc sử dụng làm mô hình học cụ phục vụ huấn luyện, hoặc đã làm biến dạng, vô hiệu hoá hoàn toàn tính năng cháy nổ và khả năng khôi phục lại hình dạng ban đầu để tái chế phục vụ sản xuất thì tổ chức bán đấu giá công khai cho các nhà máy trong Quân đội có công nghệ nấu luyện để nấu luyện làm phôi nguyên liệu dự trữ phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng;

d) Vật liệu nổ thu được từ tháo gỡ, xì tháo đạn chỉ được bán đấu giá công khai cho các đơn vị, nhà máy trong Quân đội có chức năng tái chế, sản xuất thuốc nổ công nghiệp;

e) Không bán các vật phẩm, phế liệu thu hồi sau xử lý đạn dược ra ngoài Quân đội.

4. Tài sản là trang bị kỹ thuật, thiết bị, vật tư hàng hoá:

a) Tiêu huỷ bảo đảm tuyệt đối an toàn thiết bị tin học và phương tiện có lưu trữ thông tin, hoá chất độc hại;

b) Tháo gỡ những chi tiết, bộ phận phụ tùng còn sử dụng được (trên 50% chất lượng chi tiết, bộ phận phụ tùng mới) để phục vụ công tác bảo đảm kỹ thuật;

c) Tận dụng làm mô hình học cụ, phục vụ huấn luyện, hiện vật trưng bày và các nhiệm vụ quân sự quốc phòng;

d) Số còn lại, sau khi vô hiệu hoá tính năng quân sự để tổ chức bán đấu giá công khai cho các đơn vị đủ tư cách pháp nhân trong và ngoài Quân đội.

5. Vật liệu, vật phẩm thu hồi trong quá trình phá dỡ, huỷ bỏ tài sản là công trình chiến đấu, công trình quốc phòng, nhà và tài sản gắn liền với đất thực hiện bán đấu giá công khai theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Đối với những loại thuốc phải kiểm soát đặc biệt trong Quân đội thực hiện xử lý theo quy định pháp luật về dược và hướng dẫn của ngành Quân y.

7. Trường hợp không thuộc các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định.

Điều 14. Thẩm định, báo cáo xử lý tài sản

1. Cơ quan chủ trì thẩm định, cơ quan phối hợp thẩm định báo cáo cấp có thẩm quyền ra quyết định xử lý tài sản:

a) Quyết định loại khỏi biên chế tài sản thuộc thẩm quyền Bộ trưởng Bộ Quốc phòng khoản 1 Điều 15 Thông tư này:

Đối với tài sản là quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều 15 Thông tư này: cơ quan chủ trì thẩm định là Cục Kế hoạch và Đầu tư; cơ quan phối hợp thẩm định là Tổng cục Kỹ thuật và chuyên ngành có liên quan;

Đối với tài sản quy định tại điểm e và g khoản 1 Điều 15 Thông tư này: cơ quan chủ trì thẩm định là Cục Kế hoạch và Đầu tư; cơ quan phối hợp thẩm định là Tổng cục Kỹ thuật, Cục Tài chính, Cục Quân lực và chuyên ngành có liên quan;

Đối với tài sản quy định tại các điểm h và i khoản 1 Điều 15 Thông tư này: Cơ quan chủ trì thẩm định là Cục Kế hoạch và Đầu tư; cơ quan phối hợp thẩm định là Tổng cục Hậu cần và chuyên ngành có liên quan;

b) Quyết định loại xử lý tài sản thuộc thẩm quyền Tổng Tham mưu trưởng, khoản 2 Điều 15 Thông tư này: thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

c) Quyết định loại khởi biên chế tài sản thuộc thẩm quyền Chỉ huy cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng quy định tại khoản 3 Điều 15 Thông tư này: Chỉ huy cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng căn cứ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quyết định cơ quan chủ trì thẩm định; cơ quan phối hợp thẩm định.

2. Các cơ quan, đơn vị báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định xử lý tài sản, gồm:

a) Văn bản quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này;

b) Đối với tài sản quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 15 Thông tư này ngoài các văn bản quy định tại điểm a khoản này, bổ sung thêm quyết định loại khởi biên chế của cấp có thẩm quyền.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ xử lý tài sản báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Nội dung quyết định xử lý tài sản:

a) Đơn vị được xử lý tài sản;

b) Danh mục chủng loại, ký mã hiệu, cấp chất lượng tài sản;

c) Số lượng, khối lượng; thời gian đưa vào sử dụng, nguyên giá và giá trị tài sản còn lại (nếu có);

d) Phương thức xử lý tài sản theo các quy định tại Điều 13 Thông tư này;

đ) Thời gian xử lý tài sản;

e) Quản lý tài chính;

g) Trách nhiệm tổ chức thực hiện;

h) Kế hoạch thực hiện xử lý đối với đạn dược và hoá chất độc hại.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định xử lý tài sản đối với:

- a) Súng, pháo các loại;
- b) Ra đa, tổ hợp tên lửa, đạn tên lửa, máy bay;
- c) Xe tăng, xe thiết giáp;
- d) Tàu thuyền (tàu chiến đấu, tàu hỗ trợ, tàu huấn luyện chiến đấu, xuồng chiến đấu); phương tiện vận tải đường thủy từ 50 tấn trở lên;
- đ) Xe ô tô; xe máy đặc chủng; xe máy công binh;
- e) Vật phẩm thu hồi sau xử lý đạn dược;
- g) Thiết bị, vật tư hàng hoá thuộc dự trữ tại các kho của Bộ Quốc phòng và các kho ngành theo phân cấp quản lý;
- h) Nhà cấp I, II;
- i) Bể thép có dung tích trên 50 m³ trở lên.

2. Tổng Tham mưu trưởng quyết định xử lý tài sản là đạn dược và hoá chất độc hại.

3. Chỉ huy cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng quyết định xử lý các tài sản không thuộc các khoản 1, khoản 2 Điều này được cấp có thẩm quyền giao quản lý, sử dụng.

4. Thẩm quyền xử lý tài sản là đạn dược cấp 5 nguy hiểm, nguy cơ gây mất an toàn, cần xử lý khẩn cấp:

a) Trường hợp đạn dược cấp 5 nguy hiểm, nguy cơ gây mất an toàn, cần xử lý khẩn cấp, Chủ nhiệm kho hoặc Trung đoàn trưởng và tương đương trở lên kiểm tra và quyết định tiêu hủy để bảo đảm an toàn theo quy trình, quy phạm hiện hành do cấp có thẩm quyền ban hành. Sau tiêu hủy lập biên bản, kịp thời báo cáo lên cơ quan cấp trên trực tiếp và Chỉ huy cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng;

b) Chậm nhất 07 ngày sau khi xử lý xong, cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng báo cáo bằng văn bản về kết quả xử lý đạn dược cấp 5 nguy hiểm, nguy cơ gây mất an toàn, cần xử lý khẩn cấp theo phân cấp về Bộ Quốc phòng và đề nghị Tổng Tham mưu trưởng ra quyết định loại khỏi biên chế.

Điều 16. Tổ chức xử lý tài sản

1. Xử lý đối với tài sản là đạn dược và hoá chất độc hại:

a) Sau khi Tổng Tham mưu trưởng ra quyết định loại khỏi biên chế và xử lý, phê duyệt kế hoạch xử lý đạn dược và hoá chất độc hại, Chỉ huy cơ quan, đơn

vị trực thuộc Bộ Quốc phòng tổ chức thực hiện theo phương thức, kế hoạch được phê duyệt bảo đảm tuyệt đối an toàn, hạn chế ảnh hưởng đến môi trường.

b) Chỉ huy cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng ra Mệnh lệnh vận chuyển đạn dược và hoá chất độc hại trong phạm vi địa bàn đơn vị quản lý; trường hợp vận chuyển đạn dược và hoá chất độc hại ra ngoài phạm vi địa bàn đơn vị quản lý phải báo cáo Bộ Tổng Tham mưu (qua Cục Tác chiến) xem xét, ra Mệnh lệnh vận chuyển;

c) Sau khi xử lý, phải tiến hành kiểm tra tại hiện trường, bảo đảm tất cả đạn dược và hoá chất độc hại đã bị làm mất khả năng phục hồi tính năng, tác dụng.

2. Xử lý đối với tài sản còn lại:

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định xử lý tài sản của cấp có thẩm quyền, Chỉ huy cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm:

a) Phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện xử lý tài sản của đơn vị;

b) Tổ chức xử lý theo phương thức đã được phê duyệt tại quyết định xử lý tài sản;

c) Thực hiện chế độ quản lý tài chính sau xử lý tài sản, báo cáo kết quả về Bộ Quốc phòng và các cơ quan có liên quan.

3. Thời gian thực hiện xử lý tài sản tối đa không quá 03 tháng, kể từ ngày nhận được quyết định xử lý. Riêng thời gian thực hiện xử lý đạn dược và hoá chất độc hại do Tổng Tham mưu trưởng quy định trong quyết định loại khỏi biên chế và xử lý, phê duyệt kế hoạch xử lý.

Chương IV TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ

Điều 17. Tài sản được bán đấu giá

Tài sản công sau đây được thực hiện theo hình thức đấu giá, trừ trường hợp bán các tài sản công có giá trị nhỏ theo hình thức niêm yết công khai hoặc bán chỉ định theo quy định của Chính phủ, gồm:

1. Vật phẩm, nguyên liệu, phế liệu thu hồi sau xử lý tài sản không tận dụng được cho sửa chữa, sản xuất đạn dược quy định tại điểm c khoản 3 Điều 13 Thông tư này.

2. Tài sản quy định tại điểm d khoản 4 Điều 13 Thông tư này sau khi vô hiệu hoá tính năng quân sự được bán đấu giá công khai cho các đơn vị đủ tư cách pháp nhân trong và ngoài Quân đội.

Điều 18. Nguyên tắc đấu giá tài sản

1. Tuân thủ quy định của pháp luật.
2. Bảo đảm tính trung thực, công khai, minh bạch, công bằng, khách quan.
3. Bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp người tham gia đấu giá, người trúng đấu giá, người mua được tài sản đấu giá.
4. Cuộc đấu giá phải do Hội đồng đấu giá tài sản thực hiện.

Điều 19. Thành lập Hội đồng đấu giá tài sản

1. Chỉ huy cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng quyết định thành lập Hội đồng đấu giá tài sản cấp mình và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Hội đồng.
2. Hội đồng đấu giá tài sản phải có ít nhất ba thành viên trở lên do đại diện chỉ huy cơ quan xử lý tài sản làm Chủ tịch Hội đồng; thành viên của Hội đồng là đại diện cơ quan tài chính, pháp chế cùng cấp và đại diện cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật.
3. Hội đồng bán đấu giá được sử dụng con dấu của cơ quan, đơn vị thành lập Hội đồng bán đấu giá khi thực hiện nhiệm vụ.

Điều 20. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng đấu giá tài sản

1. Cuộc đấu giá do Hội đồng đấu giá tài sản thực hiện phải có ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng tham dự.
2. Hội đồng đấu giá tài sản làm việc theo nguyên tắc tập trung, thảo luận tập thể và quyết định theo đa số, thông qua hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín. Trường hợp kết quả biểu quyết hoặc số phiếu bằng nhau thì Chủ tịch Hội đồng có quyền quyết định cuối cùng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.
3. Hội đồng đấu giá tài sản tự giải thể sau khi kết thúc cuộc đấu giá và chuyển hồ sơ cuộc đấu giá theo quy định tại Điều 33 của Thông tư này.

Điều 21. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng đấu giá tài sản

1. Hội đồng đấu giá tài sản có các quyền sau đây:
 - a) Truất quyền tham gia cuộc đấu giá và lập biên bản xử lý đối với người tham gia đấu giá có hành vi gây rối trật tự cuộc đấu giá, thông đồng, móc nối để đìm giá hoặc hành vi khác làm ảnh hưởng đến tính khách quan, trung thực của cuộc đấu giá;
 - b) Dừng cuộc đấu giá và báo cáo người có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng để xử lý khi phát hiện có hành vi vi phạm trình tự, thủ tục đấu giá hoặc khi phát hiện người điều hành cuộc đấu giá có hành vi thông đồng, móc nối

đề dìm giá hoặc hành vi khác làm ảnh hưởng đến tính khách quan, trung thực của cuộc đấu giá;

c) Đề nghị định giá, giám định tài sản đấu giá.

2. Hội đồng đấu giá tài sản có các nhiệm vụ sau đây:

a) Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng đấu giá tài sản;

b) Xác định giá khởi điểm theo hướng dẫn của Cục Tài chính báo cáo Chỉ huy cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng phê duyệt giá khởi điểm;

c) Tổ chức và thực hiện đấu giá theo Quy chế hoạt động của Hội đồng, Quy chế cuộc đấu giá và quy định của pháp luật có liên quan;

d) Chịu trách nhiệm về kết quả cuộc đấu giá trước pháp luật và người có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng;

đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình đấu giá; tiếp nhận, giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng giải quyết khiếu nại phát sinh sau cuộc đấu giá; bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

e) Báo cáo người có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng đấu giá tài sản về kết quả đấu giá tài sản;

g) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch, thành viên Hội đồng đấu giá tài sản

1. Chủ tịch Hội đồng đấu giá tài sản có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Hội đồng đấu giá tài sản theo quy định tại Điều 21 của Thông tư này;

b) Chủ trì cuộc họp của Hội đồng đấu giá tài sản; phân công trách nhiệm cho từng thành viên;

c) Điều hành cuộc đấu giá hoặc phân công một thành viên Hội đồng điều hành cuộc đấu giá theo quy định của Quy chế hoạt động của Hội đồng đấu giá tài sản;

d) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo Quy chế hoạt động của Hội đồng đấu giá tài sản và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thành viên Hội đồng thực hiện các công việc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng đấu giá tài sản.

Điều 23. Kế hoạch bán đấu giá

1. Căn cứ lập kế hoạch:

a) Quyết định xử lý tài sản của cấp có thẩm quyền;

- b) Biên bản đánh giá tình trạng chất lượng tài sản xử lý;
 - c) Tài liệu khác có liên quan.
2. Nội dung kế hoạch:
- a) Danh mục, quy cách; ký mã hiệu; số lượng tài sản xử lý bán đấu giá;
 - b) Giá khởi điểm của từng tài sản xử lý bán đấu giá;
 - c) Địa điểm tổ chức đấu giá;
 - d) Khoản tiền đặt trước của từng tài sản xử lý bán đấu giá;
 - đ) Thời hạn tổ chức cuộc bán đấu giá của từng lô hàng;
 - e) Thời hạn, phương thức thanh toán, hình thức thanh toán;
 - g) Địa điểm, thời hạn và phương thức giao hàng;
 - h) Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

Điều 24. Niêm yết việc đấu giá tài sản

1. Hội đồng đấu giá tài sản phải niêm yết việc đấu giá tài sản tại trụ sở của tổ chức mình, tại nơi trưng bày tài sản (nếu có) và nơi tổ chức cuộc đấu giá ít nhất là 07 ngày làm việc trước ngày mở cuộc đấu giá.

2. Hội đồng đấu giá tài sản lưu tài liệu, hình ảnh về việc niêm yết đấu giá tài sản quy định tại khoản 1 Điều này trong hồ sơ đấu giá.

3. Ngoài việc niêm yết quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Hội đồng đấu giá tài sản thực hiện thông báo công khai việc đấu giá tài sản trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với tài sản bán đấu giá quy định khoản 2 Điều 17 Thông tư này.

Điều 25. Xem tài sản đấu giá

1. Kể từ ngày niêm yết việc đấu giá tài sản cho đến ngày mở cuộc đấu giá, Hội đồng đấu giá tài sản tổ chức cho người tham gia đấu giá được trực tiếp xem tài sản hoặc mẫu tài sản trong khoảng thời gian liên tục ít nhất là 02 ngày (trong giờ hành chính) và phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật quân sự.

2. Kể từ ngày niêm yết việc đấu giá tài sản cho đến ngày mở cuộc đấu giá, đối với tài sản đấu giá là quyền sử dụng tài sản hoặc tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng thì Hội đồng đấu giá tài sản tổ chức cho người tham gia đấu giá được xem giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản và tài liệu liên quan trong khoảng thời gian liên tục ít nhất là 02 ngày (trong giờ hành chính).

Điều 26. Địa điểm đấu giá

Cuộc đấu giá được tổ chức tại trụ sở của cơ quan, đơn vị có tài sản đấu giá, nơi có tài sản đấu giá hoặc địa điểm khác theo quyết định của Hội đồng đấu giá tài sản.

Điều 27. Đăng ký tham gia đấu giá.

1. Các đơn vị, tổ chức có đủ tư cách pháp nhân trong Quân đội có nghề kinh doanh phù hợp được đăng ký tham gia mua tài sản là vật phẩm thu được từ xử lý đạn dược quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư này.

2. Các đơn vị, tổ chức có đủ tư cách pháp nhân trong và ngoài Quân đội được đăng ký tham gia mua tài sản xử lý quy định tại khoản 2 Điều 17 của Thông tư này.

3. Đơn vị, tổ chức khi đăng ký tham gia đấu giá phải nộp phí tham gia đấu giá theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và một khoản tiền đặt trước cho đơn vị tổ chức bán đấu giá trước thời điểm tiến hành mở cuộc bán đấu giá.

Điều 28. Tiền đặt trước và xử lý tiền đặt trước

1. Người tham gia đấu giá phải nộp tiền đặt trước. Khoản tiền đặt trước tối thiểu là 05%, tối đa là 15% giá khởi điểm của tài sản đấu giá và không tính lãi.

Tiền đặt trước được gửi vào một tài khoản thanh toán của cơ quan, đơn vị có tài sản đấu giá. Trường hợp khoản tiền đặt trước có giá trị dưới 05 triệu đồng thì người tham gia đấu giá có thể nộp trực tiếp cho Hội đồng đấu giá tài sản.

2. Hội đồng đấu giá tài sản chỉ được thu tiền đặt trước của người tham gia đấu giá trong thời hạn 03 ngày làm việc trước ngày mở cuộc đấu giá, trừ trường hợp Hội đồng đấu giá tài sản và người tham gia đấu giá có thoả thuận khác nhưng phải trước ngày mở cuộc đấu giá. Hội đồng đấu giá tài sản không được sử dụng tiền đặt trước của người tham gia đấu giá vào bất kỳ mục đích nào khác.

3. Người tham gia đấu giá có quyền từ chối tham gia cuộc đấu giá và được nhận lại tiền đặt trước trong trường hợp có thay đổi về giá khởi điểm, số lượng, chất lượng tài sản đã niêm yết, thông báo công khai.

4. Hội đồng đấu giá tài sản có trách nhiệm trả lại khoản tiền đặt trước trong trường hợp người tham gia đấu giá không trúng đấu giá trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá, hoặc trong thời hạn khác do các bên thoả thuận, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này.

5. Trường hợp trúng đấu giá thì khoản tiền đặt trước được chuyển thành tiền đặt cọc để bảo đảm thực hiện giao kết hoặc thực hiện hợp đồng mua bán tài sản đấu giá hoặc thực hiện nghĩa vụ mua tài sản đấu giá sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc xử lý tiền đặt cọc thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

6. Người tham gia đấu giá không được nhận lại tiền đặt trước trong các trường hợp sau đây:

a) Đã nộp tiền đặt trước nhưng không tham gia cuộc đấu giá, buổi công bố giá mà không thuộc trường hợp bất khả kháng;

b) Bị truất quyền tham gia đấu giá do có hành vi vi phạm Quy chế cuộc đấu giá;

c) Từ chối ký biên bản đấu giá theo quy định tại khoản 3 Điều 32 của Thông tư này;

d) Rút lại giá đã trả hoặc giá đã chấp nhận theo quy định tại Điều 38 của Thông tư này;

đ) Từ chối kết quả trúng đấu giá theo quy định tại Điều 39 của Thông tư này.

7. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này, Hội đồng đấu giá tài sản không được quy định thêm các trường hợp người tham gia đấu giá không được nhận lại tiền đặt trước trong Quy chế cuộc đấu giá.

8. Tiền đặt trước quy định tại khoản 6 Điều này thuộc về người có tài sản đấu giá và nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật, sau khi trừ chi phí đấu giá tài sản.

Điều 29. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá

1. Hội đồng đấu giá tài sản lựa chọn một trong các hình thức sau đây để tiến hành cuộc đấu giá:

a) Đấu giá trực tiếp bằng lời nói tại cuộc đấu giá;

b) Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá.

2. Đấu giá theo phương thức giá lên.

3. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá phải được quy định trong Quy chế cuộc đấu giá và công bố công khai cho người tham gia đấu giá biết.

Điều 30. Đấu giá trực tiếp bằng lời nói tại cuộc đấu giá

1. Người điều hành đấu giá theo hình thức đấu giá trực tiếp bằng lời nói tại cuộc đấu giá theo trình tự sau đây:

a) Giới thiệu bản thân, người giúp việc; công bố danh sách người tham gia đấu giá và điểm danh để xác định người tham gia đấu giá;

b) Đọc Quy chế cuộc đấu giá;

c) Giới thiệu từng tài sản đấu giá;

d) Nhắc lại mức giá khởi điểm trong trường hợp công khai giá khởi điểm;

đ) Thông báo bước giá và khoảng thời gian tối đa giữa các lần trả giá, đặt giá;

e) Phát số cho người tham gia đấu giá;

g) Hướng dẫn cách trả giá, chấp nhận giá và trả lời câu hỏi của người tham gia đấu giá;

h) Điều hành việc trả giá, chấp nhận giá theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Việc trả giá trong trường hợp đấu giá theo phương thức trả giá lên được thực hiện như sau:

a) Người điều hành đấu giá yêu cầu người tham gia đấu giá thực hiện việc trả giá;

b) Người tham gia đấu giá trả giá. Giá trả phải ít nhất bằng giá khởi điểm trong trường hợp công khai giá khởi điểm. Người trả giá sau phải trả giá cao hơn giá mà người trả giá trước liền kề đã trả;

c) Người điều hành đấu giá công bố giá đã trả sau mỗi lần người tham gia đấu giá trả giá và đề nghị những người tham gia đấu giá khác tiếp tục trả giá;

d) Người điều hành đấu giá công bố người đã trả giá cao nhất là người trúng đấu giá sau khi nhắc lại ba lần giá cao nhất đã trả và cao hơn giá khởi điểm mà không có người trả giá cao hơn.

Điều 31. Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá

1. Người điều hành đấu giá điều hành cuộc đấu giá theo hình thức đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá theo trình tự sau đây:

a) Thực hiện quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 1 Điều 30 của Thông tư này;

b) Nhắc lại yêu cầu đối với phiếu trả giá hợp lệ, thời gian để thực hiện việc ghi phiếu;

c) Điều hành việc trả giá, chấp nhận giá theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Việc trả giá trong trường hợp đấu giá theo phương thức trả giá lên được thực hiện như sau:

a) Người tham gia đấu giá được phát một tờ phiếu trả giá, ghi giá muốn trả vào phiếu của mình. Hết thời gian ghi phiếu, đấu giá viên yêu cầu người tham gia đấu giá nộp phiếu trả giá hoặc bỏ phiếu vào hòm phiếu; kiểm đếm số phiếu phát ra và số phiếu thu về; công bố từng phiếu trả giá, phiếu trả giá cao nhất với sự giám sát của ít nhất một người tham gia đấu giá;

b) Người điều hành đấu giá công bố giá cao nhất đã trả của vòng đấu giá đó và đề nghị người tham gia đấu giá tiếp tục trả giá cho vòng tiếp theo. Giá khởi điểm của vòng đấu giá tiếp theo là giá cao nhất đã trả ở vòng đấu giá trước liền kề;

c) Cuộc đấu giá kết thúc khi không còn ai tham gia trả giá. Người điều hành đấu giá công bố người trả giá cao nhất và công bố người đó là người trúng đấu giá;

d) Trường hợp có từ hai người trở lên cùng trả mức giá cao nhất, Người điều hành đấu giá tổ chức đấu giá tiếp giữa những người cùng trả giá cao nhất để chọn ra người trúng đấu giá. Nếu có người trả giá cao nhất không đồng ý đấu giá tiếp hoặc không có người trả giá cao hơn thì Người điều hành đấu giá tổ chức bốc thăm để chọn ra người trúng đấu giá.

3. Hội đồng đấu giá tài sản quy định cách thức tiến hành bỏ phiếu và số vòng đấu giá quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 32. Biên bản đấu giá

1. Cuộc đấu giá chấm dứt khi Người điều hành đấu giá công bố người trúng đấu giá hoặc khi đấu giá không thành theo quy định tại khoản 1 Điều 40 của Thông tư này.

2. Diễn biến của cuộc đấu giá phải được ghi vào biên bản đấu giá. Biên bản đấu giá phải được lập tại cuộc đấu giá và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng, Người điều hành đấu giá, người ghi biên bản, người trúng đấu giá, đại diện của những người tham gia đấu giá.

3. Người trúng đấu giá từ chối ký biên bản đấu giá được coi như không chấp nhận giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá hoặc không chấp nhận mua tài sản đấu giá đối với tài sản mà theo quy định của pháp luật, kết quả đấu giá tài sản phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Biên bản đấu giá được đóng dấu của cơ quan, đơn vị có tài sản đấu giá.

Điều 33. Chuyển hồ sơ cuộc đấu giá

1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá, Hội đồng đấu giá tài sản phải ghi kết quả đấu giá tài sản vào Sổ đăng ký đấu giá tài sản và thông báo bằng văn bản cho người có tài sản đấu giá; báo cáo kết quả đấu giá tài sản bằng văn bản cho người có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá, Hội đồng đấu giá tài sản chuyển kết quả đấu giá tài sản, biên bản đấu giá, danh sách người trúng đấu giá cho chỉ huy cơ quan, đơn vị có tài sản đấu giá để ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá.

Điều 34. Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá

1. Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá được ký kết giữa người có tài sản đấu giá với người trúng đấu giá. Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

2. Nội dung Hợp đồng mua bán tài sản xử lý bán đấu giá, yêu cầu có các nội dung:

a) Thời hạn thanh toán kể từ ngày hợp đồng mua bán tài sản xử lý được ký kết;

b) Phương thức thanh toán, phương thức giao nhận hàng, thanh lý hợp đồng và các quy định khác (nếu có).

3. Hồ sơ bán tài sản xử lý:

a) Biên bản bán đấu giá tài sản xử lý;

b) Hợp đồng mua bán tài sản xử lý;

c) Phiếu thu tiền tài sản xử lý có xác nhận của cơ quan tài chính;

d) Phiếu xuất kho.

4. Người trúng đấu giá được coi như chấp nhận giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá kể từ thời điểm Người điều hành đấu giá công bố người trúng đấu giá, trừ trường hợp người trúng đấu giá từ chối ký biên bản đấu giá quy định tại khoản 3 Điều 32 của Thông tư này hoặc từ chối kết quả trúng đấu giá quy định tại Điều 38 của Thông tư này. Kể từ thời điểm này, quyền và nghĩa vụ của các bên được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của người có tài sản đấu giá

1. Người có tài sản đấu giá có các quyền sau đây:

a) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá;

b) Tham dự cuộc đấu giá;

c) Yêu cầu tổ chức đấu giá tài sản dừng việc tổ chức đấu giá khi có căn cứ cho rằng Hội đồng đấu giá tài sản có hành vi vi phạm quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 9 của Luật Đấu giá tài sản;

d) Yêu cầu Hội đồng đấu giá tài sản điều hành cuộc đấu giá dừng cuộc đấu giá khi có căn cứ cho rằng Hội đồng đấu giá tài sản có hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 của Luật Đấu giá tài sản; người tham gia đấu giá có hành vi vi phạm quy định tại các điểm b, c hoặc d khoản 5 Điều 9 của Luật Đấu giá tài sản;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Người có tài sản đấu giá có các nghĩa vụ sau đây:

a) Chịu trách nhiệm về tài sản đưa ra đấu giá;

b) Ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá hoặc trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu giá tài sản;

c) Giao tài sản và các giấy tờ liên quan đến tài sản đấu giá cho người mua được tài sản đấu giá theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán tài sản đấu giá hoặc theo quy định của pháp luật;

d) Báo cáo cơ quan có thẩm quyền về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, diễn biến cuộc đấu giá và kết quả đấu giá tài sản trong trường hợp đấu giá tài sản nhà nước;

đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của người trúng đấu giá

1. Người trúng đấu giá có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu người có tài sản đấu giá ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá hoặc trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật;

b) Được nhận tài sản đấu giá, có quyền sở hữu đối với tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật;

c) Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản đấu giá đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng theo quy định của pháp luật;

d) Các quyền khác theo thoả thuận trong hợp đồng mua bán tài sản đấu giá và theo quy định của pháp luật.

2. Người trúng đấu giá có các nghĩa vụ sau đây:

a) Ký biên bản đấu giá, hợp đồng mua bán tài sản đấu giá;

b) Thanh toán đầy đủ tiền mua tài sản đấu giá cho người có tài sản đấu giá theo thoả thuận trong hợp đồng mua bán tài sản đấu giá hoặc theo quy định của pháp luật có liên quan;

c) Các nghĩa vụ khác theo thoả thuận trong hợp đồng mua bán tài sản đấu giá và theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Đấu giá trong trường hợp chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá, một người tham gia đấu giá, một người trả giá, một người chấp nhận giá

1. Việc đấu giá tài sản trong trường hợp chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá, một người tham gia đấu giá, một người trả giá, một người chấp nhận giá chỉ được tiến hành sau khi đã tổ chức cuộc đấu giá lần đầu nhưng không thành và được thực hiện theo phương thức trả giá lên, khi đã hết thời hạn đăng ký tham gia mà chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá hoặc có nhiều người đăng ký tham gia đấu giá nhưng chỉ có một người tham gia cuộc đấu giá, hoặc có nhiều người tham gia cuộc đấu giá nhưng chỉ có một người trả giá, hoặc có nhiều người trả giá nhưng chỉ có một người trả giá cao nhất và ít nhất bằng giá khởi điểm thì tài sản được bán cho người đó nếu người có tài sản đấu giá đồng ý bằng văn bản.

2. Việc đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục đấu giá tài sản theo quy định của Thông tư này và không có khiếu nại liên quan đến trình tự, thủ tục cho đến ngày tổ chức cuộc đấu giá.

3. Biên bản đấu giá ngoài nội dung quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 32 của Thông tư này còn phải thể hiện quá trình đấu giá chỉ có một người tham gia đấu giá hoặc chỉ có một người trả giá, chấp nhận giá hợp lệ; ý kiến đồng ý của người có tài sản đấu giá.

Điều 38. Rút lại giá đã trả, giá đã chấp nhận

1. Tại cuộc đấu giá thực hiện bằng phương thức trả giá lên theo hình thức đấu giá trực tiếp bằng lời nói hoặc đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá, nếu người đã trả giá cao nhất rút lại giá đã trả trước khi Người điều hành đấu giá công bố người trúng đấu giá thì cuộc đấu giá vẫn tiếp tục và bắt đầu từ giá của người trả giá liền kề trước đó.

2. Người rút lại giá đã trả hoặc rút lại giá đã chấp nhận quy định tại khoản 1 Điều này bị truất quyền tham gia cuộc đấu giá.

Điều 39. Từ chối kết quả trúng đấu giá

1. Khi Người điều hành đấu giá đã công bố người trúng đấu giá mà tại cuộc đấu giá người này từ chối kết quả trúng đấu giá thì người trả giá liền kề là người trúng đấu giá, nếu giá liền kề đó cộng với khoản tiền đặt trước ít nhất bằng giá đã trả của người từ chối kết quả trúng đấu giá và người trả giá liền kề chấp nhận mua tài sản đấu giá.

2. Trường hợp giá liền kề cộng với khoản tiền đặt trước nhỏ hơn giá đã trả của người từ chối kết quả trúng đấu giá hoặc người trả giá liền kề không chấp nhận mua tài sản đấu giá thì cuộc đấu giá không thành.

Điều 40. Đấu giá không thành

1. Các trường hợp đấu giá không thành bao gồm:

- a) Đã hết thời hạn đăng ký mà không có người đăng ký tham gia đấu giá;
- b) Tại cuộc đấu giá không có người trả giá hoặc không có người chấp nhận giá;
- c) Giá trả cao nhất mà vẫn thấp hơn giá khởi điểm trong trường hợp không công khai giá khởi điểm và cuộc đấu giá được thực hiện theo phương thức trả giá lên;
- d) Người trúng đấu giá từ chối ký biên bản đấu giá theo quy định tại khoản 3 Điều 32 của Thông tư này;

đ) Đã hết thời hạn đăng ký mà chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá trong trường hợp đấu giá tài sản quy định tại Điều 37 của Thông tư này;

e) Người đã trả giá rút lại giá đã trả, người đã chấp nhận giá rút lại giá đã chấp nhận theo quy định tại Điều 38 của Thông tư này mà không có người trả giá tiếp;

g) Trường hợp từ chối kết quả trúng đấu giá theo quy định tại Điều 39 của Thông tư này.

2. Khi cuộc bán đấu giá không thành, đơn vị có tài sản xử lý bán đấu giá báo cáo người có thẩm quyền quyết định xác định lại giá khởi điểm để tổ chức đấu giá hoặc bán trực tiếp công khai theo giá do Cục Tài chính thẩm định.

Điều 41. Lưu trữ hồ sơ

1. Đơn vị có tài sản đấu giá tài sản thực hiện việc lưu trữ hồ sơ đấu giá trong thời hạn 05 năm kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá.

2. Trình tự, thủ tục lưu trữ thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Chương V

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ BẢO ĐẢM TÀI CHÍNH

Điều 42. Nguyên tắc

1. Tài sản khi điều chuyển, tháo gỡ chi tiết, phụ tùng hoặc để phục hồi, sửa chữa, phục vụ sản xuất quốc phòng trong quá trình xử lý đều phải định giá để quản lý và được xác định phù hợp với giá thị trường tại thời điểm xử lý trên cơ sở đánh giá chất lượng còn lại.

2. Giá khởi điểm để đấu giá công khai do chỉ huy cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng xác định phù hợp với giá thị trường và hướng dẫn của cơ quan tài chính cấp trên, quy định của Bộ Quốc phòng.

3. Các khoản thu, chi từ xử lý tài sản phải được ghi chép phản ánh đầy đủ, kịp thời trên sổ kế toán và quản lý chặt chẽ theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Việc quản lý, sử dụng các khoản thu từ xử lý và chi phí liên quan đến việc xử lý theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 43. Thu, chi trong công tác loại khỏi biên chế và xử lý tài sản

1. Nội dung thu:

a) Tiền thu được từ nhượng bán, bán đấu giá vật liệu, vật phẩm thu hồi sau xử lý đạn được quy định tại các điểm c và d khoản 3 Điều 13 Thông tư này;

b) Tiền thu được từ nhượng bán vật liệu, vật phẩm thu hồi trong quá trình tháo dỡ, huỷ bỏ tài sản là công trình chiến đấu, công trình quốc phòng, nhà và tài sản gắn liền với đất quy định tại khoản 5 Điều 13 Thông tư này;

c) Tiền thu được từ bán đấu giá tài sản là trang bị kỹ thuật, thiết bị, vật tư hàng hoá quy định tại điểm d khoản 4 Điều 13 Thông tư này;

d) Tiền đặt trước trong bán đấu giá quy định tại khoản 6 Điều 28 Thông tư này;

đ) Các khoản thu từ xử lý khác có liên quan.

2. Nội dung chi:

a) Chi phí kiểm kê tài sản;

b) Chi phí đo, vẽ nhà, đất;

c) Chi phí định giá và thẩm định giá tài sản;

d) Chi phí vận chuyển, thu gom, bảo quản, phân loại; phá dỡ, huỷ bỏ, tiêu huỷ làm biến dạng, vô hiệu hoá tính năng quân sự của tài sản;

đ) Thù lao đấu giá trả cho tổ chức đấu giá trong trường hợp đấu giá thành; chi phí đấu giá tài sản trả cho tổ chức đấu giá trong trường hợp đấu giá không thành; chi phí đấu giá trong trường hợp việc tổ chức đấu giá do Hội đồng thực hiện;

e) Chi phí niêm yết, thông báo công khai, cho xem tài sản, lựa chọn người được quyền mua tài sản trong trường hợp bán tài sản theo hình thức niêm yết giá;

g) Chi phí hợp lý khác có liên quan đến xử lý tài sản công.

3. Mức chi:

a) Đối với các nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định;

b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo Hợp đồng ký kết giữa cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản và đơn vị cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật;

c) Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, Chi huy cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ xử lý tài sản quyết định mức chi (trừ chi phí liên quan xử lý đạn dược), bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

Điều 44. Quản lý, sử dụng tiền thu được từ xử lý tài sản

1. Toàn bộ số tiền thu được từ xử lý tài sản được mua sắm, đầu tư từ ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc ngân sách nhà nước hoặc được xác lập sở hữu toàn dân được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc nhà nước do cơ quan sau đây làm chủ tài khoản:

a) Cục Tài chính đối với tài sản công do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng quyết định xử lý quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư này và tài sản là nhà, tài sản khác gắn liền với đất do Chỉ huy cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng quyết định xử lý quy định tại khoản 3 Điều 15 Thông tư này;

b) Sở Tài chính (nơi cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ xử lý tài sản đóng trên địa bàn) đối với tài sản công do Chỉ huy cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng quyết định xử lý quy định tại khoản 3 Điều 15 Thông tư này, trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này.

2. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản

a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nộp tiền vào tài khoản tạm giữ, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh toán gửi chủ tài khoản tạm giữ để chi trả chi phí xử lý tài sản. Chỉ huy cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của khoản chi đề nghị thanh toán. Hồ sơ đề nghị thanh toán gồm:

Văn bản đề nghị thanh toán của cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng (trường hợp gửi Cục Tài chính theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này), cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản (trường hợp gửi Sở Tài chính nơi đơn vị đóng quân theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này); trong đó nêu rõ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, tổng chi phí xử lý tài sản, thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: 01 bản chính;

Quyết định loại khỏi biên chế, xử lý tài sản của cấp có thẩm quyền: 01 bản sao;

Hồ sơ, giấy tờ chứng minh các khoản chi như: Dự toán chi được duyệt; Hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá, đấu giá, phá dỡ; hoá đơn, phiếu thu tiền (nếu có): 01 bản sao;

Quá thời hạn trên, cơ quan, đơn vị không gửi hồ sơ đề nghị thanh toán, thì coi như không có chi phí xử lý, chủ tài khoản tạm giữ thực hiện nộp toàn bộ số tiền thu được vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm c khoản này.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, chủ tài khoản tạm giữ có trách nhiệm cấp tiền cho cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ xử lý tài sản để thực hiện chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công.

c) Định kỳ hằng quý, chủ tài khoản tạm giữ thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ xử lý tài sản đã hoàn thành việc thanh toán chi phí vào ngân sách Trung ương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

d) Trường hợp phá dỡ nhà, tài sản gắn liền với đất cũ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng mới mà chi phí phá dỡ đã được bố trí trong tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng mới do cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt thì việc lập, phê duyệt dự toán và thanh toán chi phí xử lý tài sản được thực hiện theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật có liên quan.

e) Đối với xử lý đạn dược và hoá chất độc hại: Sau khi có quyết định loại khỏi biên chế và xử lý tài sản của cấp có thẩm quyền, căn cứ định mức chi phí xử lý đạn dược, hoá chất độc hại và định mức kinh tế - kỹ thuật của nhà nước và Bộ Quốc phòng có liên quan, cơ quan, đơn vị lập dự toán chi phí xử lý đạn dược, hoá chất độc hại (kể cả chi phí thu gom, phân loại, bảo quản, cải tạo khu xử lý, thiết bị xử lý...) báo cáo Bộ Quốc phòng (qua Cục Tài chính, Cục Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Kỹ thuật tổng hợp thẩm định) phê duyệt, bảo đảm.

g) Trong quá trình xử lý nếu có nguồn thu từ bán vật phẩm thu hồi thì số tiền thu được cơ quan, đơn vị thực hiện nộp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Cục Tài chính thực hiện chi trả chi phí xử lý cho cơ quan, đơn vị theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này.

h) Trường hợp số tiền thu được từ bán vật phẩm thu hồi không đủ bù đắp chi phí hoặc không có thu, Bộ Quốc phòng sẽ giao dự toán ngân sách để cơ quan, đơn vị quyết toán chi ngân sách phần còn thiếu theo quy định.

Chương VI **KIỂM TRA, BÁO CÁO**

Điều 45. Chế độ kiểm tra

1. Định kỳ hàng năm và đột xuất, Bộ Quốc phòng tổ chức giám sát, kiểm tra việc thực hiện công tác loại khỏi biên chế và xử lý tài sản của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng.

Cục Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan xây dựng kế hoạch kiểm tra, xác định phạm vi, nội dung, phương pháp, thành phần tham gia báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt và triển khai thực hiện.

2. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác loại khỏi biên chế và xử lý tài sản theo hướng dẫn, điều lệ công tác ngành.

Điều 46. Chế độ báo cáo

1. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng báo cáo Bộ Quốc phòng (qua Cục Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan chuyên ngành) các quyết định loại

khỏi biên chế, xử lý tài sản theo thẩm quyền; tình hình, kết quả thực hiện công tác loại khỏi biên chế và xử lý tài sản.

2. Thời gian báo cáo:

a) Trước ngày 15 tháng 10 hằng năm, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác loại khỏi biên chế và xử lý tài sản;

b) Đối với quyết định loại khỏi biên chế, xử lý tài sản theo thẩm quyền thì sau 05 ngày kể từ ngày ban hành quyết định.

3. Nội dung báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác loại khỏi biên chế và xử lý tài sản, nội dung gồm: Báo cáo thuyết minh những khó khăn vướng mắc và đề xuất kiến nghị với Bộ Quốc phòng; phần số liệu thực hiện theo Mẫu số 01/KQ tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện xử lý theo từng quyết định cụ thể.

Chương VII

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ CÁ NHÂN

Điều 47. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

Bộ Quốc phòng thống nhất quản lý nhà nước về loại khỏi biên chế và xử lý tài sản trong Bộ Quốc phòng. Cục Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thường trực, tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quản lý nhà nước về loại khỏi biên chế và xử lý tài sản trong Bộ Quốc phòng, có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổng hợp tình hình thực hiện công tác loại khỏi biên chế và xử lý tài sản trong Bộ Quốc phòng; hướng dẫn các cơ quan đơn vị lập, đề xuất loại biên chế và xử lý tài sản hằng năm và tổng hợp báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt. Đề xuất, kiến nghị với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng các vấn đề liên quan đến công tác loại biên chế và xử lý tài sản trong Bộ Quốc phòng.

2. Thẩm định hồ sơ trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ra quyết định loại khỏi biên chế và xử lý các tài sản quy định tại khoản 1 Điều 11 và khoản 1 Điều 15 Thông tư này và theo dõi, đôn đốc cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện. Tham gia phúc tra loại khỏi biên chế và xử lý tài sản theo đề nghị của cơ quan, đơn vị.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan phúc tra đề nghị xử lý vật phẩm, phế liệu thu hồi sau xử lý đạn dược; tổng hợp, thẩm định và báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định xử lý vật phẩm, phế liệu thu hồi sau xử lý đạn dược;

4. Chỉ đạo việc bán đấu giá, nhượng bán các loại tài sản là: Vật phẩm, nguyên liệu, phế liệu thu hồi sau xử lý đạn dược; trang bị kỹ thuật, thiết bị, vật tư

hàng hoá theo quy định của pháp luật, Bộ Quốc phòng.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về loại khỏi biên chế và xử lý tài sản, hằng năm báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt và triển khai thực hiện.

6. Phối hợp với Tổng cục Kỹ thuật, Cục Tài chính xây dựng và báo cáo Bộ Quốc phòng ban hành các định mức chi phí xử lý cho từng chủng loại đạn dược cấp 5 và hoá chất độc hại với các hình thức xử lý khác nhau (không tính chi phí vận chuyển); định mức xây dựng cho hai loại hình đơn vị dự toán và đơn vị hạch toán.

Điều 48. Trách nhiệm của Bộ Tổng Tham mưu

1. Tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về loại khỏi biên chế tài sản là trang bị kỹ thuật; loại khỏi biên chế và xử lý đạn dược và hoá chất độc hại.

2. Chỉ đạo cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy hoạch trang bị kỹ thuật của Bộ Quốc phòng và tổ chức điều chuyển, giữ lại trang bị kỹ thuật phục vụ cho nhiệm vụ quân sự, quốc phòng.

3. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện các thủ tục và các công việc có liên quan đến công tác xử lý đạn dược và hoá chất độc hại (quyết định địa điểm huỷ nổ, huỷ đốt, huỷ chôn; đường vận chuyển; điều động lực lượng chuyên trách, thời gian và các công việc phát sinh bảo đảm cho nhiệm vụ xử lý).

4. Quyết định loại khỏi biên chế các tài sản quy định tại điểm a điểm c khoản 2 Điều 11 Thông tư này;

5. Quyết định loại khỏi biên chế, xử lý và phê duyệt kế hoạch xử lý đối với đạn dược và hoá chất độc hại trong cùng 01 quyết định (trường hợp số lượng tài sản xử lý nhỏ lẻ giao cho Thủ trưởng các đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng phê duyệt kế hoạch xử lý).

6. Chỉ đạo các cơ quan chức năng tổng hợp tình hình kết quả loại khỏi biên chế tài sản là trang bị kỹ thuật, đạn dược và hoá chất độc hại báo cáo Bộ Quốc phòng theo quy định.

Điều 49. Trách nhiệm của Tổng cục Chính trị

1. Tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về loại khỏi biên chế và xử lý tài sản là thiết bị, vật tư hàng hoá bảo đảm Công tác Đảng, Công tác Chính trị trong toàn quân.

2. Thẩm định loại khỏi biên chế và xử lý tài sản là thiết bị, vật tư hàng hoá phục vụ hoạt động Công tác Đảng, Công tác Chính trị theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị; chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện xử lý theo phân cấp.

3. Hướng dẫn đơn vị tổ chức phúc tra, hoặc tham gia phúc tra đối với tài sản là thiết bị, vật tư hàng hoá bảo đảm Công tác Đảng, Công tác Chính trị.

4. Chỉ đạo việc giáo dục quan điểm, ý thức trách nhiệm cho cán bộ, chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ loại khỏi biên chế và xử lý tài sản bảo đảm an toàn cho đơn vị và nhân dân trong khu vực; chỉ đạo việc thực hiện chế độ, chính sách, giải quyết các trường hợp bị tai nạn, bị thương, hy sinh, tử trần trong thực hiện nhiệm vụ xử lý tài sản.

5. Chỉ đạo thực hiện bảo đảm an ninh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ loại khỏi biên chế và xử lý tài sản.

6. Chỉ đạo, hướng dẫn, quản lý các tài sản được điều chuyển, giữ lại làm hiện vật trưng bày bảo tàng, nhà truyền thống trong toàn quân; tận dụng tài sản là thiết bị, vật tư hàng hoá bảo đảm Công tác Đảng, Công tác Chính trị được xử lý để bảo đảm nghiệp vụ ngành.

7. Chủ trì xây và báo cáo Bộ Quốc phòng ban hành các văn bản hướng dẫn, quy định về phân cấp chất lượng; quy trình, quy phạm trong xử lý tài sản là thiết bị, vật tư hàng hoá bảo đảm Công tác Đảng, Công tác Chính trị.

8. Đề xuất kế hoạch giám sát, kiểm tra, hướng dẫn công tác loại khỏi biên chế và xử lý tài sản của đơn vị báo cáo Bộ Quốc phòng (qua Cục Kế hoạch và Đầu tư).

9. Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện công tác loại khỏi biên chế và xử lý tài sản là thiết bị, vật tư hàng hoá bảo đảm Công tác Đảng, Công tác Chính trị báo cáo Bộ Quốc phòng theo quy định.

Điều 50. Trách nhiệm của Tổng cục Hậu cần

1. Tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về loại khỏi biên chế và xử lý tài sản là thiết bị, vật tư hàng hoá bảo đảm hậu cần, doanh trại trong toàn quân.

2. Phối hợp với các cơ quan chức năng thẩm định đề xuất loại khỏi biên chế và xử lý tài sản là thiết bị, vật tư hàng hoá bảo đảm hậu cần của đơn vị và chỉ đạo các đơn vị thực hiện xử lý theo phân cấp.

3. Hướng dẫn đơn vị tổ chức phúc tra đối với các tài sản là thiết bị, vật tư hàng hoá bảo đảm hậu cần, doanh trại.

4. Bảo đảm hậu cần phục vụ công tác xử lý đạn dược cấp 5.

5. Chỉ đạo, hướng dẫn, quản lý sử dụng việc tận dụng tài sản là thiết bị, vật tư hàng hoá bảo đảm hậu cần giữ lại để phục vụ nghiệp vụ ngành;

6. Chủ trì xây dựng và báo cáo Bộ Quốc phòng ban hành các văn bản hướng dẫn, quy định về phân cấp chất lượng, quy trình, quy phạm trong xử lý tài sản là thiết bị, vật tư hàng hoá bảo đảm ngành hậu cần, doanh trại.

7. Đề xuất kế hoạch giám sát, kiểm tra, hướng dẫn công tác loại khỏi biên chế và xử lý tài sản là thiết bị, vật tư hàng hoá bảo đảm hậu cần, doanh trại của đơn vị báo cáo Bộ Quốc phòng (qua Cục Kế hoạch và Đầu tư).

8. Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện công tác loại khỏi biên chế xử lý tài sản là thiết bị, vật tư hàng hoá bảo đảm hậu cần, doanh trại báo cáo Bộ Quốc phòng theo quy định.

Điều 51. Trách nhiệm của Tổng cục Kỹ thuật

1. Tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về loại khỏi biên chế tài sản là thiết bị, vật tư hàng hoá bảo đảm kỹ thuật trong toàn quân.

2. Chủ trì, phối hợp với Cục Kế hoạch và Đầu tư, Cục Tài chính, Cục Quân lực, Cục Tác chiến và các cơ quan, đơn vị có liên quan lập kế hoạch và tổ chức phúc tra báo cáo Tổng Tham mưu trưởng xem xét, quyết định loại khỏi biên chế và xử lý tài sản là đạn dược cấp 5 và hoá chất độc hại của các đơn vị trong toàn quân.

3. Phối hợp với các cơ quan chức năng thẩm định đề xuất loại khỏi biên chế và xử lý tài sản là trang bị kỹ thuật, thiết bị, vật tư hàng hoá bảo đảm kỹ thuật của đơn vị; chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thực hiện xử lý theo phân cấp.

4. Hướng dẫn đơn vị tổ chức phúc tra, tham gia phúc tra đối với tài sản là trang bị kỹ thuật, thiết bị, vật tư hàng hoá bảo đảm kỹ thuật.

5. Chủ trì, chỉ đạo toàn diện, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trong tổ chức thực hiện xử lý đạn dược bảo đảm an toàn về mọi mặt, cụ thể:

a) Sau khi Tổng Tham mưu trưởng ra quyết định loại khỏi biên chế, phê duyệt kế hoạch xử lý, Tổng cục Kỹ thuật chỉ đạo, hướng dẫn các ngành, đơn vị thực hiện xử lý theo quy trình, quy phạm hiện hành do cấp có thẩm quyền ban hành.

b) Hướng dẫn việc xử lý đạn dược và hoá chất độc hại đúng quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; thường xuyên rà soát tài liệu kỹ thuật, quy trình, quy phạm kỹ thuật và các quy định về xử lý tháo gỡ, huỷ các loại đạn dược, hoá chất độc hại cho đơn vị thực hiện bảo đảm tuyệt đối an toàn;

c) Xác định rõ danh mục các loại đạn dược cấp 5 được xử lý theo các phương pháp (tháo gỡ hoặc huỷ nổ, huỷ đốt, huỷ chôn); xác định số vật phẩm thu hồi sau xử lý đạn dược cấp 5 báo cáo Bộ Quốc phòng (qua Cục Kế hoạch và Đầu tư);

d) Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trong toàn quân, phân loại chính xác số đạn dược cấp 5 và điều chuyển cách ly;

đ) Rà soát lại toàn bộ năng lực xử lý đạn dược cấp 5 của các đơn vị, gồm: Lực lượng cán bộ, nhân viên kỹ thuật, trang thiết bị công nghệ, cơ sở vật chất kỹ thuật và các yêu cầu khác cho công tác xử lý đạn dược và đề xuất phương án thực hiện với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định ;

e) Chỉ đạo tổ chức xử lý làm vô hiệu hoá ngay đạn dược cấp 5 nguy hiểm có thể gây ra cháy, nổ gây mất an toàn;

g) Chủ trì, phối hợp với Cục Kế hoạch và Đầu tư, Cục Tài chính xây dựng và báo cáo Bộ Quốc phòng ban hành các định mức chi phí xử lý cho từng chủng loại đạn dược và hoá chất độc hại với các hình thức xử lý khác nhau (không tính chi phí vận chuyển); định mức xây dựng cho hai loại hình đơn vị dự toán và đơn vị hạch toán;

h) Thường xuyên kiểm tra cơ sở vật chất kỹ thuật, chấp hành các quy định, quy trình, quy phạm kỹ thuật của các đơn vị làm nhiệm vụ xử lý đạn dược cấp 5, hoá chất độc hại để đảm bảo tuyệt đối an toàn trong xử lý;

i) Định kỳ 6 tháng, năm Tổng cục Kỹ thuật tổng hợp báo cáo Bộ Quốc phòng (qua Cục Kế hoạch và Đầu tư, Cục Tài chính), Bộ Tổng Tham mưu (qua Cục Quân lực) về kết quả xử lý đạn dược, hoá chất độc hại trong toàn quân (nội dung báo cáo, gồm: Số lượng đạn dược, hoá chất độc hại được xử lý, vật phẩm thu hồi sau xử lý, tình hình sử dụng ngân sách bảo đảm cho xử lý đạn dược; đánh giá ưu, khuyết điểm trong quá trình thực hiện và những vướng mắc cần giải quyết).

6. Chỉ đạo, hướng dẫn việc tổ chức tháo gỡ, phân loại, phân cấp chất lượng, thu gom, bảo quản, cất giữ các loại thân bom, đạn, ống phóng; phụ tùng vật tư súng pháo; phụ tùng vật tư, trang bị kỹ thuật khác còn sử dụng được cho bảo đảm kỹ thuật, nhập kho và bảo quản, quản lý chặt chẽ theo chế độ quy định.

7. Chỉ đạo, hướng dẫn đơn vị trong việc làm biến dạng vô hiệu hoá tính năng quân sự của trang bị kỹ thuật.

8. Chủ trì xây dựng và báo cáo Bộ Quốc phòng ban hành các văn bản hướng dẫn, quy định về phân cấp chất lượng; quy trình, quy phạm trong xử lý tài sản là trang bị kỹ thuật, thiết bị vật tư hàng hoá bảo đảm kỹ thuật.

9. Đề xuất kế hoạch giám sát, kiểm tra công tác loại khỏi biên chế và xử lý tài sản của đơn vị báo cáo Bộ Quốc phòng (qua Cục Kế hoạch và Đầu tư).

10. Tổng hợp tình hình kết quả thực hiện công tác loại khỏi biên chế và xử lý tài sản là trang bị kỹ thuật, đạn dược, thiết bị vật tư hàng hoá bảo đảm kỹ thuật; kết quả tháo gỡ, thu hồi, cải hoán, tận dụng vật tư phụ tùng của toàn quân báo cáo Bộ Quốc phòng theo quy định.

Điều 52. Trách nhiệm của Tổng cục Công nghiệp quốc phòng

1. Tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về loại khỏi biên chế và xử lý tài sản là thiết bị, vật tư hàng hoá bảo đảm công nghiệp quốc phòng trong toàn quân.

2. Phối hợp với các cơ quan chức năng thẩm định đề xuất loại khỏi biên chế và xử lý tài sản là thiết bị, vật tư hàng hoá bảo đảm Công nghiệp quốc phòng.

3. Hướng dẫn đơn vị và tham gia phúc tra tài sản là thiết bị, vật tư hàng hoá bảo đảm công nghiệp quốc phòng.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn, quản lý sử dụng việc tận dụng tài sản là vật tư hàng hoá bảo đảm công nghiệp quốc phòng giữ lại để bảo đảm nghiệp vụ ngành.

5. Chủ trì xây dựng và báo cáo Bộ Quốc phòng ban hành các văn bản hướng dẫn, quy định về phân cấp chất lượng; quy trình, quy phạm trong xử lý tài sản là thiết bị, vật tư hàng hoá dùng chung bảo đảm công nghiệp quốc phòng.

6. Đề xuất kế hoạch giám sát, kiểm tra, hướng dẫn công tác xử lý của đơn vị báo cáo Bộ Quốc phòng (qua Cục Kế hoạch và Đầu tư).

7. Chỉ đạo các đơn vị, nhà máy trong Tổng cục tham gia đấu giá tài sản xử lý theo quy định tại Thông tư này.

8. Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện công tác loại biên chế và xử lý tài sản là thiết bị, vật tư hàng hoá bảo đảm công nghiệp quốc phòng báo cáo Bộ Quốc phòng theo quy định.

Điều 53. Trách nhiệm của Cục Tài chính

Tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chỉ đạo nghiệp vụ tài chính trong công tác loại khỏi biên chế và xử lý tài sản có nhiệm vụ:

1. Hướng dẫn, kiểm tra, thẩm định các khoản thu từ xử lý và chi phí liên quan đến việc xử lý của các đơn vị; Hướng dẫn đơn vị xác định giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá để tổ chức bán đấu giá tài sản; thẩm định giá bán tài sản để nhượng bán; tham gia kiểm tra kết quả bán đấu giá tài sản;

2. Chủ trì phối hợp với các cơ quan (Cục Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Kỹ thuật) thẩm định dự toán chi phí xử lý đạn dược, hoá chất độc hại, của các cơ quan, đơn vị, báo cáo Bộ Quốc phòng giao dự toán ngân sách theo quy định của pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước.

3. Tham mưu, đề xuất với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước bảo đảm công tác loại khỏi biên chế và xử lý tài sản nhà nước trong Bộ Quốc phòng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Tham gia phúc tra loại khỏi biên chế và xử lý tài sản là trang bị kỹ thuật, thiết bị vật tư hàng hoá, đạn dược cấp 5; xử lý vật phẩm thu hồi sau xử lý đạn dược cấp 5.

5. Hướng dẫn công tác quản lý tài chính đối với các vật tư, phụ tùng đơn vị tháo dỡ, giữ lại để đảm bảo kỹ thuật tại đơn vị.

6. Phối hợp với Tổng cục Kỹ thuật, Cục Kế hoạch và Đầu tư xây dựng và báo cáo Bộ Quốc phòng ban hành các định mức chi phí xử lý cho từng chủng loại đạn dược với các hình thức xử lý khác nhau.

7. Tổng hợp kết quả thu, chi và quản lý tài chính liên quan đến loại khỏi biên chế và xử lý tài sản là trang bị kỹ thuật, thiết bị vật tư hàng hoá, đạn dược cấp 5; vật phẩm thu hồi sau xử lý đạn dược cấp 5 báo cáo Bộ Quốc phòng theo quy định.

Điều 54. Trách nhiệm của các chuyên ngành

1. Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị loại khỏi biên chế và xử lý tài sản theo lĩnh vực, nhiệm vụ được Bộ Quốc phòng giao.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn tháo dỡ, tận dụng và quản lý các bộ phận chi tiết, vật tư, phụ tùng còn tốt để dồn lắp, cải hoán, sửa chữa, bảo đảm kỹ thuật và nhiệm vụ khác; thực hiện các chế độ quản lý thu hồi hồ sơ đăng ký, sử dụng theo quy định của Bộ Quốc phòng và chuyên ngành.

3. Phối hợp với các cơ quan chức năng thẩm định đề xuất loại khỏi biên chế và xử lý tài sản theo đề nghị của đơn vị.

4. Tham gia phúc tra loại khỏi biên chế và xử lý tài sản theo đề xuất của đơn vị.

5. Chủ trì xây dựng và báo cáo Bộ Quốc phòng ban hành các văn bản hướng dẫn, quy định về phân cấp chất lượng; quy trình, quy phạm về loại khỏi biên chế và xử lý tài sản theo lĩnh vực, nhiệm vụ được Bộ Quốc phòng giao.

6. Đề xuất kế hoạch giám sát, kiểm tra, hướng dẫn công tác xử lý của đơn vị báo cáo Bộ Quốc phòng (qua Cục Kế hoạch và Đầu tư).

7. Tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Bộ Quốc phòng theo quy định.

Điều 55. Trách nhiệm của Chỉ huy cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về những nội dung được phân cấp, uỷ quyền về loại khỏi biên chế và xử lý tài sản quy định tại Thông tư này.

2. Kịp thời báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (qua Cục Kế hoạch và Đầu tư) đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền và những vấn đề vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện.

3. Kiểm tra phân loại đánh giá chất lượng tài sản là trang bị kỹ thuật, thiết bị, vật tư hàng hoá; tổ chức thu gom tập trung về một số vị trí nhất định; lập báo cáo đề xuất loại khỏi biên chế và xử lý hằng năm theo quy định.

4. Chủ trì, phối hợp cùng các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức phúc tra tài sản đề xuất loại khỏi biên chế và xử lý của đơn vị.

5. Quyết định loại khỏi biên chế và xử lý các tài sản quy định tại khoản 3 Điều 11 và khoản 3 Điều 15 Thông tư này.

6. Chấp hành và thực hiện nghiêm quy định về xử lý đạn dược và hoá chất độc hại theo quy định trong Thông tư này và hướng dẫn của Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Kỹ thuật.

7. Chủ động đề xuất thực hiện và quản lý chặt chẽ việc tháo dỡ thu hồi, giữ lại những bộ phận, chi tiết vật tư, phụ tùng còn có thể sử dụng để bảo đảm

kỹ thuật và các nhiệm vụ khác của đơn vị. Quản lý chặt chẽ, sử dụng đúng mục đích số được giữ lại, điều động.

8. Thực hiện các chế độ về quản lý thu hồi hồ sơ đăng ký sử dụng đúng quy định của các chuyên ngành và của Bộ Quốc phòng.

9. Quản lý chặt chẽ tài sản đã được loại khỏi biên chế, chờ quyết định xử lý.

10. Lựa chọn phương pháp xử lý tiêu huỷ phù hợp và bảo đảm an toàn.

11. Chịu trách nhiệm phê duyệt giá khởi điểm tài sản bán đấu giá bảo đảm phù hợp với giá thị trường của tài sản cùng loại hoặc tài sản có cùng tiêu chuẩn, kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ tại thời điểm xác định giá để tổ chức đấu giá.

12. Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện xử lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền, đúng nội dung, tiến độ, không để xảy ra sai sót, thất thoát và bảo đảm tuyệt đối an toàn.

13. Thực hiện việc thu nộp, quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý đúng chế độ quy định.

14. Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện loại khỏi biên chế và xử lý tài sản của đơn vị (bao gồm cả số phân cấp, uỷ quyền cho đơn vị quyết định) về Bộ Quốc phòng kịp thời, đúng quy định.

15. Thành lập Hội đồng xử lý tài sản:

a) Chỉ huy cơ quan, đơn vị làm Chủ tịch Hội đồng;

b) Cơ quan thường trực Hội đồng xử lý tài sản là Phòng Kế hoạch và Đầu tư hoặc Phòng, Ban Vật tư, đối với các đơn vị không có Phòng Kế hoạch và Đầu tư hoặc Phòng, Ban Vật tư thì cơ quan thường trực do Chỉ huy cơ quan, đơn vị quyết định;

c) Thành viên Hội đồng xử lý tài sản là đại diện các quan, đơn vị: Tham mưu, Chính trị, Hậu Cần, Kỹ thuật, Tài chính, Quân lực, Doanh trại, cơ quan Pháp chế, Thanh tra và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan;

d) Hội đồng xử lý tài sản có trách nhiệm tham mưu, đề xuất cho Chỉ huy cơ quan, đơn vị quản lý, chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác loại khỏi biên chế và xử lý tài sản của đơn vị theo các quy định của Thông tư này;

đ) Hội đồng xử lý được sử dụng con dấu của cơ quan, đơn vị và được bảo đảm kinh phí hoạt động từ nguồn thu xử lý tài sản.

Chương VIII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 56. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các Quyết định loại khỏi biên chế và xử lý tài sản của cấp có thẩm quyền trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà chưa thực hiện thì thực hiện theo Quyết định đó.

Điều 57. Hiệu lực thi hành

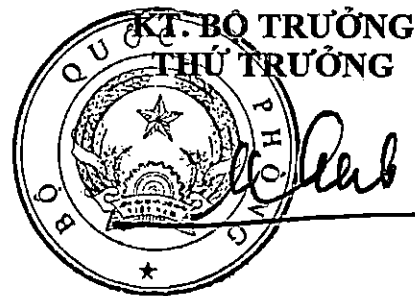
1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2020.
2. Thông tư số 188/2017/TT-BQP ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Bộ Quốc phòng quy định loại khỏi biên chế và xử lý tài sản nhà nước trong Bộ Quốc phòng; Điều 33 Thông tư số 86/2018/TT-BQP ngày 23 tháng 6 năm 2018 của Bộ Quốc phòng quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng; khoản 2 Điều 28 Quy chế xuất bản trong Quân đội Nhân dân Việt Nam ban kèm theo Thông tư số 98/2014/TT-BQP ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Bộ Quốc phòng hết hiệu lực khi Thông tư này có hiệu lực.
3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu áp dụng trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 58. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị và Chỉ huy cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
2. Cục trưởng Cục Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đ/c Thứ trưởng, CNTCCT;
- Ban Cơ yếu Chính phủ;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP;
- Cục Tài chính/BQP;
- Vụ pháp chế BQP;
- Công TTĐT BQP (để đăng tải);
- Lưu: VT, THBD. Nhi 88.

**Thượng tướng Phan Văn Giang**

